

Số: 114/2019/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung HĐND tỉnh giao Thường trực HĐND thực hiện nhiệm vụ của HĐND tỉnh tại 06 Nghị quyết của HĐND tỉnh là văn bản quy phạm pháp luật

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số năm 2015; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân; Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 279/TTr-UBND ngày 12/8/2019; Báo cáo thẩm tra số 640/BC-PC ngày 23/8/2019 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung HĐND tỉnh giao Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ của HĐND tỉnh tại 06 Nghị quyết của HĐND tỉnh là văn bản quy phạm pháp luật, như sau:

1. Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 93/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 của HĐND tỉnh về quy định vùng thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh; thời gian và nước hưởng trợ cấp tiền mua, vận chuyển nước sinh hoạt hợp vệ sinh đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh: Sửa đổi Khoản 1, Điều 2 như sau “1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Hằng năm rà soát vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không còn thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh và các điểm thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh chưa được quy định trong danh mục hỗ trợ của Nghị quyết, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.”

2. Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh: Sửa đổi Khoản 1,

Điều 2 như sau “1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết; hằng năm, rà soát trình HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung danh mục địa bàn tại mục 2, Điều 1 nghị quyết này để tổ chức triển khai thực hiện”.

3. Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh quy định cụ thể một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La:

3.1. Sửa đổi Tiết 3.1.1, Điểm 3.1, như sau: “3.1.1. Chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Mỗi dự án có tối thiểu 10 hộ dân được hỗ trợ và tối đa 30% số hộ không nghèo tham gia dự án. Tổng kinh phí hỗ trợ theo quy mô dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kết quả đấu thầu, lựa chọn nhà thầu nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án, mô hình.”

3.2. Sửa đổi Tiết 3.1.2, Điểm 3.1, như sau: “3.1.2. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản, mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; mức hỗ trợ theo từng mô hình cụ thể do cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

3.3. Bãi bỏ cụm từ “Mức chi cụ thể do Thường trực HĐND tỉnh quyết định” tại gạch đầu dòng thứ nhất Tiết 3.1.3, Điểm 3.1.

3.4. Sửa đổi, bổ sung Tiết 3.2.1, Điểm 3.2:

- Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 3, như sau: “Loại phương tiện hỗ trợ: Radio.”

- Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 4, như sau: “Hình thức và mức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng hiện vật (Radio); Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh nhưng không quá 01 triệu đồng/1 Radio.”

- Bổ sung nội dung: “Yêu cầu về phương tiện (Radio): Thực hiện theo điểm b, Khoản 3, Điều 5, Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ Thông tin và truyền thông.”.

3.5. Sửa đổi Tiết 3.2.2, Điểm 3.2, như sau: “Ngân sách nhà nước hỗ trợ lắp cụm thông tin cơ sở (bảng điện tử 01 mặt đến 2 mặt hình) tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương để cập nhật, truyền tải, quảng bá kịp thời đến cộng đồng dân cư và khách nước ngoài các thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị của quốc gia và địa phương và cung cấp các thông tin thiết yếu cho xã hội, theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

3.6. Bãi bỏ cụm từ “xây dựng mức hỗ trợ cụ thể trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo các nội dung quy định tại Điểm 3.1, Điểm 3.2, Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này” tại Khoản 1, Điều 3.

4. Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh giai đoạn 2017-

2020: Bãi bỏ Khoản 2, Điều 2 “2. Thường trực HĐND tỉnh xem xét phê duyệt phương án sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất hằng năm để chi đầu tư khắc phục thiên tai hằng năm và hoàn trả kinh phí ứng từ Quỹ phát triển đất cho giải phóng mặt bằng các dự án nhà nước thu hồi đất theo phương án cụ thể do UBND tỉnh xây dựng và trình theo quy định”.

5. Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2021: Bãi bỏ Khoản 2, Điều 3 “2. Thường trực HĐND tỉnh xem xét cho ý kiến đối với nội dung hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Mục I phụ biểu số 01 kèm theo nghị quyết này”.

6. Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh quy định thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương; kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; thời gian phân bổ giao dự toán ngân sách địa phương hằng năm; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời gian UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách; hệ thống mẫu biểu phục vụ lập báo cáo trên địa bàn tỉnh Sơn La: Tại khoản 1, Điều 3 bãi bỏ cụm từ “Trong trường hợp cần sửa đổi, bổ sung mẫu biểu hoặc thời gian theo quy định của Trung ương và yêu cầu quản lý của tỉnh, UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực HĐND xem xét quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XIV, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 08/9/2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội; UB TC- NS của Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước, VPQH, VPCP;
- Ban công tác đại biểu - UBTVQH;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế: Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban Thường vụ tỉnh uỷ;
- TT HĐND; UBND; UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện uỷ, thành uỷ, HĐND, UBND huyện, thành phố;
- TT ĐU, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC (Công 450b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Bùi Minh Sơn